

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
I. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa		
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Hàng hoá chào thầu có đặc tính và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.	Đạt
	Hàng hóa chào thầu có đặc tính và thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng không đáp ứng các yêu cầu tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.	Không đạt
2. Tính hợp lệ của hàng hóa	Hàng hóa chào thầu mới 100% sản xuất từ năm 2024 trở lại đây. Có đầy đủ tài liệu chứng minh hàng hoá chào thầu phù hợp tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu E-CDNT 10.8 Chương II và Mục 1.2 - Chương V của E-HSMT.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu trên.	Không đạt
II. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế, cụ thể: - Giải pháp kỹ thuật phải nêu rõ từng bước thực hiện, biện pháp thực hiện chi tiết của từng bước đảm bảo hàng hóa được cung cấp là đáp ứng yêu cầu của hàng hóa, mục tiêu của mua sắm hàng hóa. - Có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng. - Có phương án bố trí nhân sự hợp lý, vị trí đảm nhận công việc. - Biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển, lắp đặt.	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	- Phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công lắp đặt.	
	- Không có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng hoặc: - Không có phương án bố trí nhân sự hợp lý, vị trí đảm nhận công việc hoặc: - Không có biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển, lắp đặt hoặc: - Không có phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công lắp đặt.	Không đạt
III. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì; năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; khả năng lắp đặt thiết bị, hàng hoá	- Có cam kết Thời gian bảo hành đối với toàn bộ hàng hóa theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhưng tối thiểu ≥ 12 tháng. - Trường hợp nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì. - Có trình bày cụ thể kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành thể hiện được cách thức, quy trình trong công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đáp ứng thời gian bảo hành. Có đầy đủ thông tin người phụ trách công tác bảo hành, số hotline, email và biện pháp quản lý, theo dõi bảo hành - Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì; Tài liệu xác định đơn vị đã ký hợp đồng nguyên tắc hoạt động kinh doanh phù hợp nội dung gói thầu. - Nhà thầu có cam kết đáp ứng cung cấp phụ tùng thay thế, dịch vụ sau bán hàng: 03 năm kể từ ngày bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng. - Cam kết Bảo trì ≥ 02 lần/năm trong thời gian bảo hành. - Nhà thầu có cam kết trong thời gian tối đa là 24h kể từ khi nhận được thông báo của Bên	Đạt

Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
mời thầu về sự cố nhà thầu sẽ cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại đơn vị để sửa chữa, khắc phục sự cố; - Nhà thầu trình bày về kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì hàng hóa thể hiện được cách thức, quy trình bảo hành, bảo trì trong công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết các các sự cố 24h/7 ngày/365 ngày, có đầy đủ thông tin người phụ trách công tác bảo hành, số hotline, email và biện pháp quản lý, theo dõi bảo hành, bảo trì hàng hóa.	
- Không có cam kết Thời gian bảo hành đối với toàn bộ hàng hóa theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhưng tối thiểu ≥ 12 tháng hoặc: - Trường hợp nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Không nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì hoặc: - Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Không nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì; Không có tài liệu xác định đơn vị đã ký hợp đồng nguyên tắc hoạt động kinh doanh phù hợp nội dung gói thầu hoặc: - Nhà thầu không có cam kết đáp ứng cung cấp phụ tùng thay thế, dịch vụ sau bán hàng: 03 năm kể từ ngày bàn giao đưa hàng hóa vào sử dụng hoặc: - Không có cam kết hoặc có cam kết Bảo trì < 02 lần/năm trong thời gian bảo hành. - Nhà thầu không có cam kết trong thời gian tối đa là 24h kể từ khi nhận được thông báo của Bên mời thầu về sự cố nhà thầu sẽ cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại đơn vị để sửa chữa, khắc phục sự cố; - Nhà thầu không trình bày về kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì hàng hóa thể hiện được cách thức, quy trình bảo hành, bảo trì trong công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết các các sự cố 24h/7 ngày/365 ngày, có đầy đủ thông tin người phụ trách công tác	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	bảo hành, số hotline, email và biện pháp quản lý, theo dõi bảo hành, bảo trì hàng hóa.	
IV. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường	Có cam kết Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý	Đạt
	Không cam kết Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý	Không đạt
Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Có cam kết Hàng hóa không gây ô nhiễm môi trường không khí, nước	Đạt
	Không có cam kết Hàng hóa gây ô nhiễm môi trường không khí, nước nhưng không có biện pháp giải quyết	Không đạt
Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyên giao công nghệ	Có cam kết bố trí hướng dẫn sử dụng, lắp đặt sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng tối đa 01 ngày, kế hoạch bố trí hướng dẫn lắp đặt và xác định sự cố, kế hoạch bố trí kỹ thuật (gửi ảnh, bằng cấp căn cước công dân của kỹ thuật dự kiến)	Đạt
	Không có cam kết và kế hoạch bố trí, kỹ thuật hướng dẫn sử dụng lắp đặt sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng > 01 ngày	Không đạt
V. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Thời gian giao hàng	- Có bảng tiến độ chi tiết (thuyết minh chi tiết, cụ thể): Thời gian cung ứng hoặc sản xuất hàng hóa và tập kết đến đơn vị sử dụng; Thời gian thi công, lắp đặt thiết bị tại đơn vị sử dụng; Thời gian nghiệm thu, bàn giao. Tổng tiến độ hoàn thành gói thầu: ≤ 20 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
VI. Uy tín của nhà thầu (từ 01/01/2022 trở lại đây)		
Uy tín của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ CP ngày	Nhà thầu phải có cam kết uy tín nhà thầu là không vi phạm các nội dung sau: - Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
04/08/2025 (từ 01/01/2022 trở lại đây)	CP 04/08/2025	
	Nhà thầu không có cam kết uy tín theo nội dung trên hoặc có những vi phạm một trong các nội dung trên.	Không đạt
Lịch sử về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong thời gian tính từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu	Nhà thầu không có tên trong danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm bị công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu từ 02 lần trở lên với các lỗi sau đây: - Vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; - Vi phạm về chất lượng của hàng hóa bao gồm sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và các yếu tố khác có liên quan đến vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng; - Vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không cam kết đầy đủ hoặc có tài liệu chứng minh kết quả thực hiện hợp đồng có một trong các vi phạm nêu trên	Không đạt
Kết luận: Nhà thầu được kết luận là đạt khi đáp ứng đủ tất cả tiêu chí nêu trên, Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.		

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương

V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSĐT sẽ được đánh giá như sau: ____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSĐT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.